TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2025
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Bà Quách Thị Tình

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tống Thị T; Sinh năm: 1996
HKTT: Thôn D, xã Ng, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: Khu công nghiệp B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn N; Sinh năm: 1995
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn D, xã Ng, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2025 và bản tự khai, chị Tống Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 23/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2024 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tính không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Thêm vào đó, anh N hay tụ tập bạn bè để uống rượu, mỗi lần say rượu anh N thường chửi bới, đánh đập chị. Chị và anh N đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống

được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ An N, sinh ngày 27/6/2018 và Vũ Như Y, sinh ngày 02/3/2021. Ly hôn, chị Thúy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2025, bị đơn anh Vũ Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Tống Thị T có đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận bình thường, đôi lúc cũng có xích mích nhưng chưa đến mức trầm trọng. Anh thừa nhận là có lần do bực tức nên anh có tát chị T một hai cái nhưng chị T không bỏ qua cho anh mà đã dọn ra ở riêng từ đầu năm 2025 đến nay. Anh có đến tìm gặp và động viên chị T quay về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không về. Nay chị T làm đơn ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị T mà mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày. Nếu chị T nhất quyết ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T thay đổi yêu cầu về việc nuôi con chung. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Như Y và giao cháu Vũ An N cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Tống Thị T được ly hôn anh Vũ Văn N; Về con chung: Giao cháu Vũ Như Y, sinh ngày 02/3/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ An N, sinh ngày 27/6/2018. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh N vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ vắng mặt anh N và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh N theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh N.

[5]. Về hôn nhân: Chị Tống Thị T và anh Vũ Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy bản nhân dân xã Ng, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 23/01/2018 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2024 thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống dẫn đến thường xuyên bất hòa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T và anh N đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này cả chị T và anh N đều thừa nhận và đã được các cấp chính quyền xã Ng xác nhận là đúng thực tế và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh N mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng chị T nhất quyết yêu cầu dược ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Tống Thị T được ly hôn anh Vũ Văn N.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con sau khi ly hôn. Tuy nhiên, quyền của bố mẹ về việc nuôi con là ngang nhau. Mặt khác, cháu Như Y đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, còn cháu An N lớn hơn nên giao cho bố trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Như Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu An N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[7]. Về tài sản: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tống Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Tống Thị T được ly hôn anh Vũ Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Như Y, sinh ngày 02/3/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ An N, sinh ngày 27/6/2018. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T, anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3**.** Về án phí: Chị Tống Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: BLTU/24/0003862 ngày 24/4/2025. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Tống Thị T và anh Vũ Văn N. Chị T và anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc